TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**
HUYỆN ĐHĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2021
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Văn Tâm
2/. Bà Phạm Thị Nhâm
Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa: **Ông Trần Tr Kiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp 2, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

-Bị đơn: Anh Dương Thanh Tr, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Ngô Văn N, sinh năm 1978 **(Đại lý Nhật N)**

Địa chỉ: ấp 4, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

+ Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN

Địa chỉ: số 35, đường HV, quận HK, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Th – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch ĐH, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền số 0304/QĐ-BIDV.BL ngày 08/10/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên toag hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị Thùy Tr và bị đơn anh Dương Thanh Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: giữa chị Tr và anh Tr thống nhất xác định vợ chồng chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/8/2009 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Tr trình bày: sau thời gian chung sống thì giữa chị và anh Tr thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, anh Tr thường xuyên đánh đập, hăm dọa đòi chém giết chị, hiện chị và anh Tr không còn sống chung từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh Tr được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị sớm được ly hôn với anh Dương Thanh Tr vì chị sợ nếu còn sống chung với anh Tr thì sẽ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của chị.

Nguyên nhân ly hôn theo anh Tr trình bày: trong thời gian chung sống thì vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày cũng như công việc làm ăn nhưng đó là những mâu thuẫn nhỏ không nghiêm trọng để dẫn đến việc ly hôn, hiện chị Tr đã ra ngoài sống riêng. Anh thừa nhận anh có hành vi đe dọa, đòi giết chị Tr. Tuy nhiên, những việc anh làm là do muốn níu kéo tình cảm với chị Tr chứ không ngoài mục đích nào khác. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị Tr do anh còn thương vợ, muốn gia đình được đoàn tụ để lo làm ăn, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr thống nhất xác định giữa anh và chị Tr chung sống với nhau được 03 người con chung tên Dương Nhật Tr, sinh năm 1999, Dương Võ Nhật Th, sinh ngày 04/7/2005 và Dương Võ Kiều T, sinh ngày 24/11/2007, hiện cháu Tr đã trưởng thành và đang đi du học, còn cháu Th và cháu T hiện đang sống chung với anh Tr. Khi ly hôn chị Tr đồng ý giao cháu Nhật Th cho anh Tr nuôi dưỡng, chị yêu cầu nuôi cháu Kiều T và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr xác định nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi các con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr thống nhất xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được các tài sản chung như sau:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BX339036 do UBND huyện ĐH cấp ngày 21/10/2014, cụ thể như sau: Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 43; Địa chỉ: I 88 Tr tâm thương mại Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, tổng diện tích 84m^2; nhà ở nhà ở liên kế, diện tích xây dựng 76.5m^2, diện tích sàn 243.6m^2 nhà cấp 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ897953 do Sở Tài nguyên và Môi Tr tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/4/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3; diện tích 356.7m^2 Tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ897952 do Sở Tài nguyên và Môi Tr tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/4/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3; diện tích 246.9m^2 Tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

04 trại sản xuất tôm giống gắn liền với đất tọa lạc tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên

01 nền nhà ngang 5m dài từ lộ làng xuống mé sông Tân Thuận (sang của ông Nguyễn Thanh Phong) tọa lạc tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

01 nền nhà ngang 6.5m dài từ lộ làng xuống mé sông Tân Thuận (sang của ông Bùi Quốc Thống) tọa lạc tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

01 xe tải trọng lượng 01 tấn biển kiểm soát 94C – 4903 do anh Dương Thanh Tr đứng tên; 01 xe ô tô hiệu Chevolet biển kiểm soát 69D – 00040 do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Chị Tr và anh Tr thống nhất vợ chồng thỏa thuận giao toàn bộ tài sản chung cho anh Tr quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay anh Tr yêu cầu được rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung với chị Tr; chị Tr cũng thống nhất với ý kiến của anh Tr.

Về nợ chung: Chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr thống nhất xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Đầu TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N số tiền vốn 3.200.000.0000 đồng (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh; nợ đại lý thức ăn nuôi tôm của ông Ngô Văn N số tiền là 450.000.000 đồng.

Khi ly hôn chị Tr và anh Tr thống nhất thỏa thuận anh Tr có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và tiền thức ăn cho ông Ngô Văn N.

-Anh Trần Văn Thi là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trình bày: Ngày 03/01/2020 ông Dương Thanh Tr và bà Võ Thị Thùy Tr ký hợp đồng tín dụng số 04.ĐH/2020/1245160/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bạc Liêu – Phòng giao dịch ĐH (sau đây gọi là Ngân hàng) vay vốn số tiền 300.000.000 đồng, thời

hạn vay là 60 tháng, mục đích: mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình phục vụ đời sống.

Ngày 03/01/2020 ông Dương Thanh Tr và bà Võ Thị Thùy Tr ký hợp đồng tín dụng số 03.ĐH/2020/1245160/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bạc Liêu – Phòng giao dịch ĐH (sau đây gọi là Ngân hàng) vay vốn số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh cua giống.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên ông Dương Thanh Tr và bà Võ Thị Thùy Tr đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản như sau: Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BX339036 do UBND huyện ĐH cấp ngày 21/10/2014, cụ thể như sau: Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 43; Địa chỉ: I 88 Tr tâm thương mại Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, tổng diện tích 84m^2; nhà ở nhà ở liên kế, diện tích xây dựng 76.5m^2, diện tích sàn 243.6m^2 nhà cấp 3.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ897953 do Sở Tài nguyên và Môi Tr tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/4/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3; diện tích 356.7m^2 Tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ897953 do Sở Tài nguyên và Môi Tr tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/4/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3; diện tích 246.9m^2 Tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Nay chị Tr và anh Tr ly hôn thì Ngân hàng đồng ý cho anh Tr trả nợ cho Ngân hàng và đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng với anh Tr, nên không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

-Anh Ngô Văn N (chủ đại lý Nhật N) trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 01/02/2021: Trước đây giữa anh với anh Dương Thanh Tr có giao dịch mua bán thuốc nuôi tôm với nhau, việc mua bán không có làm hợp đồng mà chỉ ghi sổ theo dõi, sau khi hai bên đối chiếu công nợ với nhau thì anh Tr còn nợ lại anh số tiền 450.000.000 đồng. Nay anh Tr và chị Tr ly hôn với nhau thì anh đồng ý việc thỏa thuận giữa chị Tr và anh Tr. Tuy nhiên anh không yêu cầu anh Tr trả nợ trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Giữa chị Tr và anh Tr kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp

pháp. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nay chị Tr yêu cầu ly hôn, anh Tr không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ, tuy nhiên trong thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến tại phiên tòa hôm nay anh Tr không tìm được biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Tr là có căn cứ.

Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao người con chung tên Dương Võ Nhật Th, sinh ngày 04/7/2005 cho anh Tr nuôi dưỡng và người con chung tên Dương Võ Kiều T, sinh ngày 24/11/2007 cho chị Tr nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr và anh Tr xác định anh chị không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Tr đối với chị Tr.

Về nợ chung: do các đương sự thống nhất không đặt ra yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tr có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Tr. Anh Tr có địa chỉ cư trú tại huyện ĐH. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh Ngô Văn N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ngô Văn N.

[2] Về nội dung vụ án: chị Tr và anh Tr cưới nhau vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/8/2009 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Tr thì Hội đồng đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị Tr và anh Tr lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện anh chị cũng đã sống ly thân với nhau, anh Tr có nguyện vọng được đoàn tụ, tuy nhiên từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, anh Tr không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Tr xác định trong thời gian chung sống anh Tr nhiều lần có hành vi đánh đập, hăm dọa, đòi chém, giết chị Tr, gây cho chị Tranh tâm lý hoang mang, lo sợ. Tại phiên tòa hôm nay chị Tr xác định nếu Tòa án không chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không trở về chung sống với anh Tr. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Tr để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn là phù hợp.

Về nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr đồng ý giao người con chung tên Dương Võ Nhật Th, sinh ngày 04/7/2005 cho anh Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy, việc chị Tr đồng ý giao cháu Th cho anh Tr nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Th cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu Dương Võ Kiều Tiên, sinh ngày 24/11/2007 hiện đang sống với anh Tr. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai cháu T ngày 25/02/2020 cháu T có nguyện vọng được sống với chị Tr khi cha mẹ cháu ly hôn, ý kiến của cháu T là hoàn toàn là tự nguyện và không bị ai đe dọa hay ép buộc. Mặt khác, cháu T là con gái đang tuổi phát triển tâm sinh lý. Do đó, cần buộc anh Tr giao cháu T cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ và phù hợp thực tế.

Chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr thống nhất xác định anh chị không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị Tr và anh Tr thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BX339036 do UBND huyện ĐH cấp ngày 21/10/2014, cụ thể như sau: Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 43; Địa chỉ: I 88 Tr tâm thương mại Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, tổng diện tích 84m^2; nhà ở nhà ở liên kế, diện tích xây dựng 76.5m^2, diện tích sàn 243.6m^2 nhà cấp 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ897953 do Sở Tài nguyên và Môi Tr tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/4/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3; diện tích 356.7m^2 Tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ897952 do Sở Tài nguyên và Môi Tr tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/4/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3; diện tích 246.9m^2 Tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

04 trại sản xuất tôm giống gắn liền với đất tọa lạc tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Dương Thanh Tr đứng tên

01 nền nhà ngang 5m dài từ lộ làng xuống mé sông Tân Thuận (sang của ông Nguyễn Thanh Phong) tọa lạc tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

01 nền nhà ngang 6.5m dài từ lộ làng xuống mé sông Tân Thuận (sang của ông Bùi Quốc Thống) tọa lạc tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

01 xe tải trọng lượng 01 tấn biển kiểm soát 94C – 4903 do anh Dương Thanh Tr đứng tên; 01 xe ô tô hiệu Chevolet biển kiểm soát 69D – 00040 do anh Dương Thanh Tr đứng tên.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020 anh Dương Thanh Tr có yêu cầu chia các tài sản chung này đối với chị Võ Thị Thùy Tr. Tại phiên tòa hôm nay, anh Tr có yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu chia các tài sản chung này đối với chị Tr do giữa vợ chồng anh chị đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, việc rút yêu cầu này của anh Tr là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của anh Tr.

Về nợ chung: Chị Tr và anh Tr thống nhất xác định vợ chồng đã thỏa thuận anh Tr có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền vốn là 3.200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N và số tiền thức ăn còn nợ là 450.000.000 đồng cho ông Ngô Văn N.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr, anh Tr và ông Thi là người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N thống nhất thỏa thuận anh Tr có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền vốn là 3.200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng với anh Tr, không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/02/2021 anh Ngô Văn N cũng thống nhất để anh Tr trả số nợ này. Tuy nhiên, anh N không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

Xét thấy, do các đương sự thống nhất không đặt ra yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: anh Tr phải chịu số tiền 6.229.000 đồng, anh Tr đã dự nộp và quyết toán xong nên không đề cập xử lý.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Hoàn lại anh Dương Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 45.750.000 đồng theo biên lai thu số 0007628 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thùy Tr. Xử cho chị Võ Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Dương Thanh Tr

2/.Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Võ Kiều T, sinh ngày 24/11/2007 cho chị Võ Thị Thùy Tr nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Buộc anh Dương Thanh Tr giao cháu Dương Võ Kiều T cho chị Võ Thị Thùy Tr nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Giao cháu Dương Võ Nhật Th, sinh ngày 04/7/2005 cho anh Dương Thanh Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu Th hiện sống với anh Tr nên được giữ nguyên.

Chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Thùy Tr và anh Dương Thanh Tr thống nhất xác định anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3/.Về tài sản chung: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Dương Thanh Tr đối với chị Võ Thị Thùy Tr.

4/. Về nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

5/. Về án phí: Chị Võ Thị Thùy Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004192 ngày 06 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Hoàn lại anh Dương Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 45.750.000 đồng theo biên lai thu số 0007628 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: anh Tr phải chịu số tiền 6.229.000 đồng, anh Tr đã dự nộp và quyết toán xong nên không đề cập xử lý.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Võ Thị Thùy Tr, anh Dương Thanh Tr và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Ngô Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND thị trấn GH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

Trương Hồng Diễm